

**Đề chính thức**

(Đề thi gồm 04 trang)

**Mã đề thi 165**

Họ và tên thí sinh.....Số báo danh.....

**Câu 1:** Sản phẩm công nghiệp nào là sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của Nhật Bản?

- A. Sản phẩm công nghiệp chế biến  
B. Nguyên liệu công nghiệp  
C. Năng lượng: than, khí tự nhiên, dầu mỏ  
D. Sản phẩm công nghiệp hàng không, vũ trụ

**Câu 2:** Nền nông nghiệp Nhật Bản phát triển theo hướng:

- A. Phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, hướng ra xuất khẩu  
B. Thâm canh ứng dụng nhanh tiến bộ khoa học – kỹ thuật và công nghệ hiện đại  
C. Áp dụng thành tựu khoa học – kỹ thuật mới vào sản xuất để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi  
D. Ứng dụng khoa học kỹ – thuật, phát triển nhiều giống cây trồng có năng suất cao, chất lượng tốt

**Câu 3:** Tỷ lệ gia tăng dân số Trung Quốc năm 2005 là:

- A. 1,0%                      B. 0,9                      C. 0,5%                      D. 0,6%

**Câu 4:** Giá trị xuất siêu của Liên bang Nga năm 2005 là:

- A. 100 tỉ USD                      B. 125 tỉ USD                      C. 120 tỉ USD                      D. 115 tỉ USD

**Câu 5:** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng dầu mỏ, thép của Liên Bang Nga thời kỳ 1992- 2005**

(Đơn vị: triệu tấn)

Sản phẩm	1992	1995	2001	2003	2005
Dầu mỏ	399,0	305,0	340,0	400,0	470,0
Thép	61,9	48,0	58,0	60,0	66,3

Nhận xét nào sau đây **đúng** về sản lượng dầu mỏ và thép của Liên bang Nga:

- A. Tình hình sản xuất dầu mỏ, thép của LB Nga không có sự biến động trong giai đoạn trên  
B. Sản lượng thép của nước Nga tăng nhanh còn dầu mỏ có xu hướng giảm  
C. Sản lượng dầu mỏ và thép tăng lên nhưng không liên tục  
D. Sản lượng dầu mỏ tăng không liên tục còn thép tăng liên tục từ 1992 đến 2005

**Câu 6:** Trong nông nghiệp, chăn nuôi lợn của nước Nga phát triển mạnh ở vùng:

- A. Cao nguyên Trung Xi-bia                      B. Đồng bằng Đông Âu  
C. Đồng bằng Tây Xi-bia                      D. Vùng Viễn Đông

**Câu 7:** Nhận xét nào sau đây **đúng** về đặc điểm nổi bật của vùng kinh tế Trung ương Liên bang Nga:

- A. Phát triển nhiều ngành công nghiệp kỹ thuật cao, hiện đại  
B. Là vùng kinh tế phát triển nhanh, cơ cấu công nghiệp đa dạng  
C. Vùng kinh tế lâu đời, phát triển nhất. Tập trung nhiều ngành công nghiệp  
D. Công nghiệp hóa nhanh với nhiều ngành công nghiệp hiện đại

**Câu 8:** Ở Liên bang Nga củ cải đường được phân bố ở phía:

- A. Nam                      B. Đông nam                      C. Tây nam                      D. Đông bắc

**Câu 9:** Đảo có dân số đông nhất của Nhật Bản là:

- A. đảo Hôn-su                      B. đảo Kiuxiu                      C. đảo Hôcaiđô                      D. đảo Xicôcư

**Câu 10:** Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nhóm nước năm 2004**

(Đơn vị: %)

Nhóm nước	Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế		
	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Phát triển	2,0	27,0	71,0
Đang phát triển	25,0	32,0	43,0

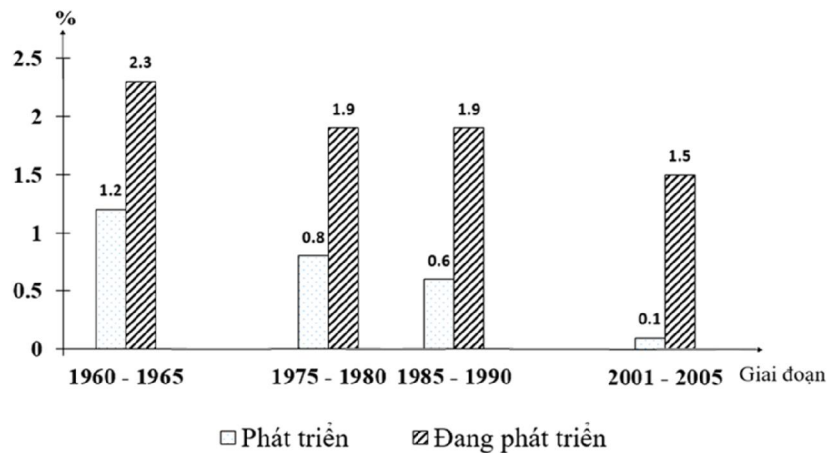
Để thể hiện cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nhóm nước, ta chọn biểu đồ nào là thích hợp?

- A. Biểu đồ miền                      B. Biểu đồ kết hợp cột, đường

- C. Biểu đồ đường D. Biểu đồ tròn
- Câu 11 :** Chiếm khoảng 40% giá trị hàng công nghiệp xuất khẩu của Nhật Bản là ngành:  
 A. Công nghiệp chế tạo B. Công nghiệp điện tử - tin học  
 C. Công nghiệp sản xuất ô tô, xe gắn máy D. Công nghiệp xây dựng và công trình công cộng
- Câu 12 :** Sản lượng lương thực của Liên bang Nga năm 2005 đạt:  
 A. 80,5 triệu tấn B. 71,5 triệu tấn C. 78,2 triệu tấn D. 75,2 triệu tấn
- Câu 13 :** Nhận định nào sau đây **đúng** nhất về quan hệ Nga – Việt trong bối cảnh quốc tế mới?  
 A. Quan hệ Nga – Việt được hai nước đặc biệt quan tâm vì bối cảnh quốc tế mới hết sức phức tạp  
 B. Quan hệ Nga – Việt là quan hệ sâu sắc trong bối cảnh quốc tế hiện nay  
 C. Quan hệ Nga – Việt là quan hệ truyền thống, được hai nước đặc biệt quan tâm  
 D. Liên bang Nga coi quan hệ Nga – Việt là quan hệ truyền thống vì lợi ích của Liên bang Nga
- Câu 14 :** Khu vực phía Nam của Miền Đông Trung Quốc nổi tiếng về các khoáng sản:  
 A. Phi kim loại B. Kim loại màu C. Năng lượng D. Kim loại quý hiếm
- Câu 15 :** Nhận định nào sau đây **đúng** về tài nguyên của miền Tây Trung Quốc?  
 A. Nguồn thủy năng dồi dào, đất phù sa màu mỡ B. Giàu khoáng sản, thủy điện, rừng, đồng cỏ  
 C. Đất đai màu mỡ, giàu khoáng sản D. Tài nguyên khoáng sản, rừng phong phú
- Câu 16 :** Trong quá trình phát triển kinh tế, Liên bang Nga gặp phải khó khăn gì?  
 A. Tình hình chính trị, xã hội bất ổn định B. Thiếu vốn đầu tư, nguồn nguyên nhiên liệu  
 C. Nợ nước ngoài, lạm phát trầm trọng D. Phân hóa giàu nghèo, nạn chảy máu chất xám

**Câu 17 :** Cho biểu đồ:

BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN TỈ SUẤT GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA NHÓM NƯỚC PHÁT TRIỂN VÀ NHÓM NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN QUA CÁC GIAI ĐOẠN



Nhận xét nào **không đúng** về tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của hai nhóm nước:

- A. Nhìn chung tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của hai nhóm nước có xu hướng giảm  
 B. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên các nước phát triển chậm  
 C. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nhóm nước phát triển thấp hơn nhóm nước đang phát triển  
 D. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của cả hai nhóm nước hiện nay thấp
- Câu 18 :** Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ HOA KÌ GIAI ĐOẠN 1900 – 2005

(Đơn vị: triệu người)

Năm	1900	1920	1940	1960	1980	2005
Số dân	76,0	105,0	132,0	179,0	227,0	296,5

Nhận xét nào **đúng** về dân số Hoa Kỳ giai đoạn 1900 – 2005:

- A. Dân số Hoa Kỳ giai đoạn 1900 – 2005 ít có sự biến động  
 B. Dân số Hoa Kỳ đang có xu hướng già hóa  
 C. Dân số Hoa Kỳ hầu như không tăng trong giai đoạn trên

- D.** Dân số Hoa Kỳ liên tục tăng từ 1900 - 2005
- Câu 19 :** Trong cơ cấu GDP của Nhật Bản ngành đóng góp vào thu nhập quốc dân cao nhất là:  
**A.** ngành dịch vụ **B.** ngành nông nghiệp  
**C.** ngành công nghiệp chế tạo **D.** ngành công nghiệp
- Câu 20 :** Đặc điểm người Nhật Bản là:  
**A.** chú trọng đầu tư cho giáo dục  
**B.** chú trọng đầu tư phát triển khoa học – kĩ thuật  
**C.** chú trọng đầu tư phát triển các ngành công nghệ cao  
**D.** chú trọng đầu tư phát triển kinh tế tri thức
- Câu 21 :** Nông nghiệp của Nhật Bản đóng góp trong thu nhập quốc dân (GDP):  
**A.** 9% **B.** 1% **C.** 3% **D.** 5%

**Câu 22 :** **Cho bảng số liệu:**

TỔNG SỐ DÂN VÀ TÌNH HÌNH TĂNG DÂN SỐ TRUNG QUỐC THỜI KÌ 1995 – 2010

Năm	Tổng số dân (triệu người)	Tỉ lệ gia tăng dân số (%)
1995	1211,2	1,1
2000	1267,4	0,8
2008	1328,0	0,5
2010	1340,9	0,5

Để thể hiện tình hình phát triển dân số và số dân Trung Quốc trong giai đoạn 1995-2010, chọn biểu đồ nào là thích hợp?

- A.** Biểu đồ tròn **B.** Biểu đồ miền  
**C.** Biểu đồ đường **D.** Biểu đồ kết hợp cột, đường
- Câu 23 :** **Cho bảng số liệu:**

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA TRUNG QUỐC THỜI KÌ 1990 - 2010

(Đơn vị: tỷ USD)

Năm	1990	1995	2000	2005	2010
Giá trị Xuất khẩu	62,1	148,8	249,2	762,0	1577,8
Giá trị nhập khẩu	53,3	132,1	225,1	660,0	1396,2

Để vẽ biểu đồ thể hiện sự thay đổi cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của Trung Quốc thời kì 1990 - 2010. Ta chọn biểu đồ:

- A.** Biểu đồ tròn **B.** Biểu đồ kết hợp cột, đường  
**C.** Biểu đồ đường **D.** Biểu đồ miền
- Câu 24 :** Đảo có diện tích lớn nhất Nhật Bản:  
**A.** Hôsu **B.** Xicôcur **C.** Hôcaidô **D.** Kiuxiu

- Câu 25 :** Nhận định nào **đúng** về địa hình của miền Tây Trung Quốc:  
**A.** Gồm các khối núi, cao nguyên, ở giữa là cao nguyên Tây Tạng  
**B.** Gồm các dãy núi, các sơn nguyên đồ sộ xen lẫn bồn địa  
**C.** Gồm các dãy núi cao đồ sộ, xen lẫn các bồn địa  
**D.** Là dãy Himalaya cao nhất thế giới

- Câu 26 :** Nhận định nào sau đây **đúng** về dân cư Nhật Bản?  
**A.** Dân số Nhật Bản đang già đi **B.** Nhật Bản là nước có cơ cấu dân số trẻ  
**C.** Tốc độ gia tăng dân số nhanh **D.** Tỉ lệ người dưới 15 đang tăng lên

- Câu 27 :** Trong bốn vùng kinh tế của Nhật Bản sau đây, vùng nào có nền kinh tế phát triển nhất?  
**A.** Hônసు **B.** Kiuxiu **C.** Hôcaidô **D.** Xicôcur

- Câu 28 :** Nhật Bản nằm trong khu vực có khí hậu:  
**A.** Gió mùa **B.** Nhiệt đới **C.** Cận nhiệt đới **D.** Ôn đới

- Câu 29 :** Nhận định nào **đúng** về đặc điểm khí hậu miền Đông Trung Quốc:  
**A.** Chuyển từ khí hậu xích đạo sang khí hậu cận nhiệt gió mùa  
**B.** Chuyển từ cận nhiệt đới gió mùa sang ôn đới gió mùa  
**C.** Chuyển từ khí hậu cận xích đạo sang ôn đới gió mùa  
**D.** Chuyển từ khí hậu xích đạo sang khí hậu gió mùa

- Câu 30 :** Địa hình miền Tây Trung Quốc có đặc điểm:  
**A.** Chủ yếu là đồi núi, sơn nguyên, cao nguyên  
**B.** Gồm các dãy núi cao, các sơn nguyên đồ sộ xen lẫn bồn địa  
**C.** Gồm các dãy núi cao, xen kẽ là các bồn địa

- D. Chủ yếu là đồi núi, có dãy Himalaya cao đồ sộ
- Câu 31 :** Vùng kinh tế phát triển nhất của Liên bang Nga:  
 A. Vùng trung tâm đất đen      B. Vùng U-ran      C. Vùng Viễn Đông      D. Vùng Trung ương
- Câu 32 :** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng lương thực của Liên bang Nga thời kì 1995 – 2005**

*(Đơn vị: triệu tấn)*

Năm	1995	1998	1999	2000	2001	2002	2005
Sản lượng	62,0	46,9	53,8	64,3	83,6	92,0	78,2

Nhận xét nào sau đây **đúng** về sản lượng lương thực của Liên bang Nga thời kì 1995 – 2005?

- A. Sản lượng lương thực Liên bang Nga có sự suy giảm  
 B. Sản lượng lương thực Liên bang Nga tăng liên tục  
 C. Nhìn chung sản lượng lương thực liên bang Nga ít có sự biến động  
 D. Từ 1995 – 2005 sản lượng lương thực Liên bang Nga tăng ...
- Câu 33 :** Vai trò của công nghiệp Liên bang Nga là:  
 A. là ngành đóng góp trong thu nhập quốc dân cao nhất  
 B. là ngành mũi nhọn của kinh tế Liên bang Nga  
 C. là ngành xương sống của nền kinh tế Liên bang Nga  
 D. là ngành tạo việc làm tăng thu nhập cho nhân dân
- Câu 34 :** Khó khăn lớn nhất của miền Tây Trung Quốc là:  
 A. khí hậu khô khan, nhiều động đất, núi lửa      B. khí hậu khô khan, giao thông đi lại khó khăn  
 C. xói mòn, sạt lở đất, lũ quét      D. nhiều bão, lụt, ngập úng
- Câu 35 :** Trung Quốc có chính sách dân số triệt để:  
 A. Mỗi gia đình chỉ có từ 1 đến 2 con      B. Mỗi gia đình chỉ có 1 con  
 C. Mỗi gia đình chỉ có 1 con, gia đình chính sách có 2 con      D. Khoảng cách giữa 2 lần sinh phải từ 5 năm trở lên
- Câu 36 :** Ngành công nghiệp được coi là ngành mũi nhọn của Liên bang Nga là:  
 A. công nghiệp khai thác vàng      B. công nghiệp sản xuất ô tô  
 C. công nghiệp khai thác dầu khí      D. công nghiệp điện tử - tin học
- Câu 37 :** Nhận định nào **không** đúng về thời kì đầy khó khăn biến động của Liên bang Nga:  
 A. Tốc độ tăng trưởng GDP âm      B. Tình hình chính trị xã hội bất ổn định  
 C. Thiên tai, dịch bệnh, đói nghèo xảy ra ở nhiều nơi      D. Đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn
- Câu 38 :** Sau năm 2000 nước Nga đã đề ra chiến lược phát triển kinh tế mới là:  
 A. tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước  
 B. đầu tư hiện đại hóa công nghiệp  
 C. tiếp tục xây dựng nền kinh tế thị trường  
 D. đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị công nghệ
- Câu 39 :** Trong ngành nông nghiệp Nhật Bản cây trồng chính là:  
 A. Lúa gạo      B. Cây công nghiệp      C. Dâu tằm      D. Cây ăn quả
- Câu 40 :** Khó khăn, trở ngại lớn nhất đối với phát triển kinh tế - xã hội miền Đông Trung Quốc là:  
 A. Động đất, sóng thần      B. Bão, ngập lụt  
 C. Hạn hán, lũ quét      D. Thiên tai, dịch bệnh

-----HẾT-----

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm*

Đề chính thức

Mã đề thi 165

01	A	28	A
02	B	29	B
03	D	30	B
04	C	31	D
05	D	32	D
06	C	33	C
07	C	34	B
08	C	35	B
09	A	36	C
10	D	37	C
11	A	38	C
12	C	39	A
13	C	40	B
14	B		
15	B		
16	D		
17	D		
18	D		
19	A		
20	A		
21	B		
22	D		
23	D		
24	A		
25	B		
26	A		
27	A		